

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

LÃ THỊ TUYỀN

**CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG THEO  
LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM**

*Chuyên ngành:* Luật Dân sự và tố tụng dân sự  
*Mã số:* 60 38 01 03

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN HẢI AN**

*Phản biện 1:* .....

*Phản biện 2:* .....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

*Trang*

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

**MỞ ĐẦU** ..... 1

## **Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN**

**CỦA VỢ CHỒNG**..... 9

**1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, Ý NGHĨA CỦA CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG** ..... 9

1.1.1. Khái niệm chế độ tài sản của vợ chồng..... 9

1.1.2. Đặc điểm của chế độ tài sản của vợ chồng..... 12

1.1.3. Ý nghĩa của chế độ tài sản của vợ chồng ..... 13

**1.2. NỘI DUNG CÁC LOẠI CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG** .... 15

1.2.1. Chế độ tài sản dựa trên sự thoả thuận của vợ chồng (chế độ tài sản ước định) ..... 16

1.2.2. Chế độ tài sản của vợ chồng theo các căn cứ quy định của pháp luật (chế độ tài sản pháp định)..... 18

**1.3. KHÁI QUÁT CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ**..... 24

1.3.1. Chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật thời kỳ phong kiến... 24

1.3.2. Chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật thời kỳ Pháp thuộc... 26

1.3.3. Chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật HN&GD của nước ta từ Cách mạng tháng Tám (1945) đến nay ..... 32

<b>1.4.</b>	<b>CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG TRONG PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI.....</b>	<b>38</b>
	<b>Chương 2: CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH HIỆN HÀNH .....</b>	<b>43</b>
<b>2.1.</b>	<b>TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG .....</b>	<b>43</b>
2.1.1.	Căn cứ xác lập tài sản chung của vợ chồng.....	43
2.1.2.	Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung.....	48
2.1.3.	Chia tài sản chung của vợ chồng theo Luật HN&GD.....	51
<b>2.2.</b>	<b>TÀI SẢN RIÊNG CỦA VỢ, CHỒNG .....</b>	<b>59</b>
2.2.1.	Căn cứ xác lập tài sản riêng của vợ, chồng .....	59
2.2.2.	Quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng đối với tài sản riêng .....	62
	<b>Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG.....</b>	<b>67</b>
<b>3.1.</b>	<b>THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG... 67</b>	
3.1.1.	Áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng trong thực tiễn xét xử.....	67
3.1.2.	Áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng thông qua hoạt động công chứng tại các Văn phòng công chứng.....	85
<b>3.2.</b>	<b>MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG TRONG LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM.....</b>	<b>93</b>
3.2.1.	Những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng .....	93
3.2.2.	Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng .....	104
	<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>109</b>
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>111</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Chế độ tài sản của vợ chồng là một chế định quan trọng của pháp luật hôn nhân và gia đình. Ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay đã có nhiều quy định về chế độ tài sản của vợ chồng. Thực hiện và áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng góp phần vào sự ổn định các quan hệ hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được của pháp luật điều chỉnh vấn đề tài sản của vợ chồng, quá trình thực hiện và áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) hiện hành về chế độ tài sản của vợ chồng cho thấy còn có những bất cập và vướng mắc. Nguyên nhân có nhiều, trong đó cần kể đến một số quy định về chế độ tài sản của vợ chồng trong Luật HN&GD mới chỉ dừng lại ở tính chất định khung, văn bản hướng dẫn còn thiếu, chưa cụ thể, chưa theo kịp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Với đề tài: “*Chế độ tài sản của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*”, luận văn làm rõ hơn những quy định của pháp luật điều chỉnh chế độ tài sản của vợ chồng; cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định về chế độ tài sản của vợ chồng và đưa ra những điểm hợp lý hay không hợp lý. Từ đó, luận văn đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện chế độ tài sản của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian qua, ở nước ta đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến chế độ tài sản của vợ chồng. Có thể phân loại các công trình nghiên cứu này thành ba nhóm lớn:

**Nhóm các luận văn, luận án:** Các công trình nghiên cứu tiêu biểu trong nhóm này có: *Chế độ tài sản của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam* (Nguyễn Văn Cừ, Luận án Tiến sĩ, 2005); *Xác định chế độ tài sản của vợ chồng - một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (Nguyễn Hồng Hải, Luận văn Thạc sĩ, 2002); *Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 - Thành tựu, vướng mắc và hướng hoàn thiện* (Trần Thị Thuỳ Liên, Luận

văn Thạc sĩ, 2012); *Chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật Việt Nam - Thực tiễn áp dụng và hướng hoàn thiện* (Nguyễn Thị Hạnh, Luận văn Thạc sĩ, 2012).

**Nhóm giáo trình, sách chuyên khảo:** Trong nhóm này phải kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam* (Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, 2008); *Giáo trình Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự* (Học viện Tư pháp, Nxb Công an nhân dân, 2007); *Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam* (Nguyễn Ngọc Điện, Nxb Trẻ, 2004); *Chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam* (Nguyễn Văn Cừ, Nxb Tư pháp, 2008); *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Luật HN&GD năm 2000* (Nguyễn Văn Cừ - Ngô Thị Hương, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2002).

**Nhóm các bài viết trên các báo, tạp chí:** Có thể kể đến một số bài như: *Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân* (Nguyễn Phương Lan, 2002, Tạp chí Luật học, số 6); *Bàn thêm về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo pháp luật hôn nhân gia đình hiện hành* (Nguyễn Hồng Hải, 2003, Tạp chí Luật học, số 5); *Chế độ tài sản theo thoả thuận của vợ chồng liên hệ từ pháp luật nước ngoài đến pháp luật Việt Nam* (Bùi Minh Hồng, 2009, Tạp chí Luật học, số 11).

Trong các công trình trên, có công trình có phạm vi nghiên cứu rộng, có công trình chỉ giải quyết một khía cạnh nhỏ trong vấn đề tài sản vợ chồng, có công trình nghiên cứu riêng và chuyên sâu về chế độ tài sản của vợ chồng. Song, các công trình này cho dù có những nội dung ưu việt, tiên tiến nhưng cũng còn nhiều vấn đề không bắt kịp nhịp sống xã hội vốn luôn chuyển biến ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống vợ chồng, đặc biệt là vấn đề tài sản.

Luận văn đi vào nghiên cứu một cách toàn diện, có tính hệ thống về chế độ tài sản của vợ chồng qua từng thời kỳ phát triển.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn**

Nghiên cứu đề tài “*Chế độ tài sản của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*” nhằm những mục đích:

Phân tích, đánh giá việc áp dụng pháp luật, nhận dạng những thuận lợi cũng như những bất cập, hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng, trên cơ sở đó chỉ ra những điểm còn thiếu sót, chưa phù hợp của luật thực định và của quá trình áp dụng luật vào thực tiễn. Từ đó, luận văn đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng.

Với mục đích trên, luận văn xác định những nhiệm vụ cơ bản sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về chế độ tài sản của vợ chồng.
- Nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về chế độ tài sản của vợ chồng.

- Tìm hiểu thực tiễn áp dụng pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng qua hoạt động xét xử của ngành Tòa án giải quyết các tranh chấp tư quan hệ HN&GD liên quan trực tiếp về vấn đề tài sản giữa vợ và chồng; Tìm hiểu thực tiễn áp dụng pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng tại các Văn phòng công chứng thông qua hoạt động công chứng các hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản của vợ chồng. Qua đó, đánh giá về những thành công và hạn chế của việc áp dụng pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng.

- Trên cơ sở phân tích nội dung và thực tiễn áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng theo luật thực định, luận văn kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng dưới góc độ pháp luật và áp dụng pháp luật.

#### **4. Phạm vi nghiên cứu**

Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, luận văn tập trung vào một số vấn đề sau:

- Quy định của pháp luật Việt Nam về chế độ tài sản của vợ chồng. Trong đó tập trung chủ yếu vào chế độ tài sản của vợ chồng được quy định trong Luật HN&GD hiện hành và một số văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về chế độ tài sản của vợ chồng. Trong đó, tập trung vào một số vấn đề khó khăn, vướng

mắc, điển hình,... tìm hiểu và nghiên cứu những ví dụ cụ thể, những bản án thực tế từ đó bình luận và phân tích những nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả áp dụng pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng trong thực tế.

- Nghiên cứu một số quy định của pháp luật các nước trên thế giới về chế độ tài sản của vợ chồng, có sự so sánh và đối chiếu với pháp luật Việt Nam, qua đó tiếp thu những điểm tiến bộ và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả luận văn sử dụng phối hợp nhiều phương pháp khác nhau như:

- Phương pháp lịch sử được sử dụng khi nghiên cứu, tìm hiểu chế độ tài sản của vợ chồng thông qua các thời kỳ ở Việt Nam.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng khi phân tích các vấn đề liên quan đến chế độ tài sản của vợ chồng và khái quát những nội dung cơ bản được nghiên cứu trong luận văn.

- Phương pháp so sánh được thực hiện nhằm tìm hiểu quy định của pháp luật hiện hành với hệ thống pháp luật trước đây của Việt Nam cũng như pháp luật của một số nước khác quy định về chế độ tài sản của vợ chồng.

- Phương pháp thống kê được thực hiện trong quá trình khảo sát thực tiễn.

## **6. Những điểm mới của luận văn**

- Luận văn hệ thống hoá và phân tích khái niệm chế độ tài sản của vợ chồng.

- Luận văn khái quát và phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của các quy định pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng.

- Từ những ví dụ cụ thể về thực tiễn áp dụng pháp luật, luận văn nhận dạng những quy định chưa phù hợp, những điểm còn khiếm khuyết của pháp luật hiện hành về chế độ tài sản của vợ chồng cả dưới góc độ pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật. Đồng thời, luận văn đưa ra và phân tích một số yếu tố khác tác động vào và làm giảm hiệu quả áp dụng pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng. Trên cơ sở đó, luận văn kiến



ngợi một số giải pháp có tính chất khả thi nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật và tiến tới hoàn thiện pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng.

## **7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

*Ý nghĩa khoa học:*

- Luận văn góp phần nêu lên những thành tựu đã đạt được trong quá trình áp dụng pháp luật quy định về chế độ tài sản của vợ chồng.

- Luận văn là cơ sở tham khảo cho các công trình nghiên cứu sau này về chế độ tài sản của vợ chồng.

- Hoàn thành luận văn này, tác giả hy vọng luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật quy định về chế độ tài sản của vợ chồng; Luận văn cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và học tập các môn học như Luật dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình... tại các cơ sở đào tạo pháp luật.

*Ý nghĩa thực tiễn:*

Nội dung của luận văn có ý nghĩa thiết thực cho mọi cá nhân, đặc biệt là cho các cặp vợ chồng tìm hiểu các quy định về chế độ tài sản của vợ chồng; biết được cơ sở pháp lý tạo lập các loại tài sản chung và tài sản riêng của vợ, chồng; quyền và nghĩa vụ cụ thể của vợ, chồng đối với những loại tài sản này; các trường hợp và nguyên tắc phân chia tài sản của vợ chồng.... Từ đó, góp phần thực hiện pháp luật, xây dựng gia đình dân chủ, hoà thuận, hạnh phúc, bền vững.

## **8. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và danh mục tài liệu Tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương như sau:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về chế độ tài sản của vợ chồng.

*Chương 2:* Chế độ tài sản của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành.

*Chương 3:* Thực tiễn áp dụng và một số kiến nghị hoàn thiện chế độ tài sản của vợ chồng.

**Chương 1**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN**  
**VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG**

**1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của chế độ tài sản của vợ chồng**

**1.1.1. Khái niệm chế độ tài sản của vợ chồng**

Chế độ tài sản của vợ chồng được dự liệu xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng của gia đình đối với sự phát triển của xã hội, do tính chất, mục đích của quan hệ hôn nhân được xác lập, chế độ tài sản của vợ chồng được quy định phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán, truyền thống văn hoá của đất nước. Các nhà làm luật đã quan tâm xây dựng các quy định về chế độ tài sản của vợ chồng là một trong những chế định quan trọng, cơ bản nhất của pháp luật hôn nhân và gia đình.

*Chế độ tài sản của vợ chồng là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh về tài sản của vợ chồng, bao gồm các quy định về căn cứ xác lập tài sản, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung, tài sản riêng; nguyên tắc phân chia tài sản giữa vợ và chồng.*

**1.1.2. Đặc điểm của chế độ tài sản của vợ chồng**

Có bốn đặc điểm:

- *Thứ nhất:* Chủ thể của quan hệ sở hữu trong chế độ tài sản này phải có đầy đủ năng lực chủ thể và phải tuân thủ các điều kiện kết hôn được quy định trong pháp luật HN&GD.

- *Thứ hai:* Quy định về chế độ tài sản của vợ chồng nhằm bảo đảm quyền lợi của gia đình; tạo điều kiện để vợ chồng chủ động thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Thứ ba:* Chế độ tài sản của vợ chồng chỉ tồn tại trong thời kỳ hôn nhân.

- *Thứ tư:* Chế độ tài sản của vợ chồng cũng mang những đặc thù riêng trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ thể, như quyền định đoạt tài sản bị hạn chế trong một số trường hợp (ví dụ, nếu tài sản riêng đang là nguồn sống duy nhất của cả gia đình, khi định đoạt liên quan đến tài sản này thì phải có thoả thuận của hai vợ chồng).

### ***1.1.3. Ý nghĩa của chế độ tài sản của vợ chồng***

- Chế độ tài sản của vợ chồng với ý nghĩa là một chế định trong pháp luật về HN&GD. Nhìn vào chế độ tài sản của vợ chồng được quy định trong pháp luật của Nhà nước, người ta có thể nhận biết được trình độ phát triển của các điều kiện kinh tế - xã hội (tính khách quan) và ý chí của Nhà nước thể hiện bản chất của chế độ xã hội đó (tính chủ quan).

- Chế độ tài sản của vợ chồng được quy định trong pháp luật có ý nghĩa nhằm xác định các loại tài sản trong quan hệ giữa vợ chồng và gia đình.

- Việc phân định các loại tài sản trong quan hệ giữa vợ chồng của chế độ tài sản còn nhằm xác định các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng đối với các loại tài sản của vợ chồng. Từ đó, là cơ sở pháp lý để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về tài sản giữa vợ chồng với nhau và với những người khác trong thực tế.

### ***1.2. Nội dung các loại chế độ tài sản của vợ chồng***

Luận văn phân tích nhiều loại chế độ tài sản của vợ chồng, cùng những ưu điểm và hạn chế của từng loại chế độ tài sản của vợ chồng.

#### ***1.2.1. Chế độ tài sản dựa trên sự thoả thuận của vợ chồng (chế độ tài sản ước định)***

- Đây là loại chế độ tài sản dựa trên sự thoả thuận của vợ chồng (hôn ước). Miễn sao sự thoả thuận đó không trái với trật tự công cộng, với đạo đức, với thuần phong mỹ tục và những quy định của pháp luật.

- Luận văn phân tích và khẳng định hệ thống pháp luật về HN&GD của Nhà nước ta từ năm 1945 đến Luật HN&GD năm 2000 không quy định về loại chế độ tài sản này. Hiện nay, Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã bổ sung quy định về áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng: “*Vợ chồng có quyền lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hoặc chế độ tài sản theo thoả thuận*”.

#### ***1.2.2. Chế độ tài sản của vợ chồng theo các căn cứ quy định của pháp luật (chế độ tài sản pháp định)***

- Với chế độ tài sản này, pháp luật đã dự liệu từ trước về căn cứ,

nguồn gốc, thành phần các loại tài sản chung và tài sản riêng của vợ, chồng; quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng đối với từng loại tài sản đó; các trường hợp và nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng; phương thức thanh toán liên quan tới các khoản nợ chung hay nợ riêng của vợ, chồng.

- Luận văn nêu và phân tích các loại chế độ tài sản của vợ chồng theo các căn cứ quy định của pháp luật:

+ Chế độ tài sản của vợ chồng theo tiêu chuẩn cộng đồng (chế độ cộng đồng toàn sản; chế độ cộng đồng động sản và tạo sản; chế độ cộng đồng tạo sản);

+ Chế độ tài sản theo tiêu chuẩn phân sản.

### **1.3. Khái quát chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử**

#### ***1.3.1. Chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật thời kỳ phong kiến***

Luận văn phân tích và khẳng định chế độ tài sản của vợ chồng được áp dụng trong thời kỳ phong kiến và tục lệ ở Việt Nam là chế độ cộng đồng toàn sản. Với quan điểm coi điền sản là chính yếu, Quốc triều Hình luật đã quy định thành phần khối tài sản chung của vợ chồng gồm ba loại: Phu điền sản, thê điền sản, tân tạo điền sản.

Tất cả các tài sản này được đặt dưới sự quản lý của người chồng - chủ gia đình. Tuy vậy, pháp luật thời Lê và tục lệ cũng dành cho người vợ được tham gia vào việc quản trị tài sản chung của vợ chồng.

#### ***1.3.2. Chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật thời kỳ Pháp thuộc***

Luận văn phân tích nội dung các văn bản pháp luật dân sự do thực dân Pháp ban hành và áp dụng ở nước ta trước năm 1945. Chế độ tài sản của vợ chồng được quy định và áp dụng trong Bộ luật dân sự Bắc kỳ năm 1931 và Bộ luật dân sự Trung kỳ năm 1936 là chế độ cộng đồng toàn sản. Còn ở miền Nam, Tập dân luật Giản yếu Nam kỳ năm 1883 không dự liệu cụ thể về chế độ tài sản của vợ chồng, nên được áp dụng theo án lệ, cho đến ngày ra đời Luật gia đình ngày 2/1/1959 dưới chế độ Ngô Đình Diệm.

### ***1.3.3. Chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật HN&GD của nước ta từ Cách mạng tháng Tám (1945) đến nay***

Luận văn phân tích các điều kiện kinh tế - xã hội và thực tế các quan hệ HN&GD, theo thời gian, Nhà nước ta ban hành các văn bản pháp luật về HN&GD, quy định về chế độ tài sản của vợ chồng; từ chỗ chưa quy định cụ thể, đến dần hoàn thiện và phù hợp với đời sống kinh tế, xã hội, có tính khả thi cao. Từ Luật HN&GD năm 1959, đến Luật HN&GD năm 1986, 2000 và 2014. Trong đó, vợ chồng có quyền bình đẳng khi thực hiện quyền sở hữu và định đoạt tài sản chung.

Từ 1954 - 1975 do đất nước bị chia cắt làm hai miền, ở miền Nam thời kỳ này áp dụng ba văn bản luật được chế độ nguy quyền Sài Gòn ban hành. Trong đó, Luật gia đình ngày 2/1/1959 dưới chế độ Ngô Đình Diệm đã dự liệu chế độ cộng đồng toàn sản giữa vợ chồng, còn Sắc luật số 15/64 và BLDS năm 1972 dự liệu chế độ cộng đồng động sản và tạo sản.

### **1.4. Chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật hôn nhân và gia đình của một số nước trên thế giới**

Luận văn phân tích các điều kiện kinh tế - xã hội, truyền thống, tập quán mà nhà làm luật dự liệu về chế độ tài sản của vợ chồng sao cho phù hợp. Một số nước, pháp luật dự liệu chế độ tài sản ước định (dựa theo sự thoả thuận của vợ chồng bằng hôn ước), bên cạnh chế độ tài sản của vợ chồng theo căn cứ quy định của pháp luật (chế độ tài sản pháp định) như Pháp, Nhật Bản, Thái Lan....

Một số nước theo định hước XHCN, trên cơ sở bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của vợ chồng với lợi ích chung của gia đình mà pháp luật dự liệu chế độ tài sản của vợ chồng theo các căn cứ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng cho phép vợ chồng có thể thoả thuận linh hoạt về vấn đề sở hữu tài sản của họ nhưng không ảnh hưởng đến thành phần tài sản chung và lợi ích của gia đình.

Hiện nay, Việt Nam đã ghi nhận chế độ tài sản của vợ chồng theo thoả thuận: Vợ chồng có quyền lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật

định hoặc chế độ tài sản theo thoả thuận. Trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thoả thuận thì thoả thuận này phải được lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thoả thuận được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn. Tiếp đó pháp luật cũng quy định: Vợ, chồng có quyền sửa đổi, bổ sung nội dung thoả thuận về chế độ tài sản. Việc ghi nhận nội dung này thể hiện sự thông thoáng, hạn chế quy định cứng nhắc của pháp luật, tạo điều kiện để vợ, chồng có thể tham gia vào các giao dịch dân sự, kinh tế vì lợi ích chung của gia đình.

## *Chương 2*

### **CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH HIỆN HÀNH**

#### **2.1. Tài sản chung của vợ chồng**

##### ***2.1.1. Căn cứ xác lập tài sản chung của vợ chồng***

###### ***2.1.1.1. Tài sản chung của vợ chồng được xác lập trong thời kỳ hôn nhân***

Luận văn phân tích và khẳng định căn cứ xác lập tài sản chung của vợ chồng. Về nguyên tắc, những tài sản do vợ chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc khối tài sản chung của vợ chồng. Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất.

Luận văn phân tích thành phần các tài sản do vợ, chồng tạo ra thuộc khối tài sản chung; Hành vi tạo ra tài sản của vợ, chồng được hiểu như thế nào cho phù hợp; Thu nhập hợp pháp của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân bao gồm những gì; Phân tích những tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung, được tặng cho chung và quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn.

***2.1.1.2. Tài sản chung của vợ chồng còn bao gồm những tài sản mà vợ chồng thoả thuận là tài sản chung***

Xuất phát từ thực tế cuộc sống về hôn nhân và gia đình và những

tranh chấp về tài sản của vợ chồng. Pháp luật ghi nhận việc thoả thuận của các bên trên nguyên tắc quyền tự định đoạt, giữa vợ và chồng có thể thoả thuận tài sản nào là tài sản chung của vợ chồng và tài sản nào là tài sản riêng của vợ, chồng. Việc nhập hay không nhập tài sản riêng của mỗi bên vợ, chồng vào khối tài sản chung của vợ chồng có thể mặc nhiên hoặc được thoả thuận bằng văn bản.

Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành quy định nguyên tắc suy đoán về nguồn gốc tài sản của vợ chồng, bảo đảm quyền tự định đoạt của vợ chồng về tài sản và bảo đảm tính công bằng, hợp lý khi giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp không có chứng cứ chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó là tài sản chung.

### ***2.1.2. Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung***

Luận văn phân tích quyền bình đẳng của vợ chồng khi thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản chung. Vợ, chồng có quyền bình đẳng trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản chung. Mọi giao dịch dân sự có liên quan đến tài sản có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình thì vợ chồng cần phải bàn bạc, thoả thuận với nhau thì những giao dịch đó mới có giá trị pháp lý. Trong trường hợp vì lý do nào đó mà chỉ có một bên vợ hoặc chồng thực hiện giao dịch dân sự có liên quan đến tài sản chung của vợ chồng nhằm để phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu hàng ngày của gia đình thì bên kia phải chịu trách nhiệm liên đới.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã dành riêng một điều luật mới quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, đã đưa ra nghĩa vụ chung của vợ chồng bao gồm những loại nghĩa vụ nào.

### ***2.1.3. Chia tài sản chung của vợ chồng theo Luật HN&GD***

#### ***2.1.3.1. Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân***

Luận văn phân tích các điều kiện về nội dung và hình thức để vợ chồng thoả thuận hoặc có yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; nguyên tắc chia và hậu quả pháp lý sau khi chia tài sản chung của vợ

chồng trong thời kỳ hôn nhân; Luật HN&GD năm 2014 đã bổ sung điều luật mới quy định các trường hợp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu; nêu một số trường hợp liên quan đến hậu quả pháp lý sau khi chia tài sản chung.

#### *2.1.3.2. Chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn*

Luận văn phân tích điều kiện chia, các nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn theo quy định tại Điều 95 Luật HN&GD năm 2000, Điều 59 Luật HN&GD năm 2014 và các trường hợp cụ thể như chia quyền sử dụng đất, nhà ở của vợ chồng; trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ, chồng còn sống chung với gia đình. Tùy từng vụ việc cụ thể, theo quy định của pháp luật mà Tòa án quyết định việc chia tài sản giữa vợ chồng khi ly hôn, bảo đảm quyền lợi chính đáng của các đương sự, nhất là quyền lợi chính đáng của người vợ và con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi sống bản thân. Luận văn nêu điểm mới nổi bật của Luật HN&GD năm 2014: *“Việc chia tài sản chung có tính đến yếu tố lỗi của mỗi bên trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của vợ chồng”*. Đồng thời phân tích hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

#### *2.1.3.3. Chia tài sản chung của vợ chồng khi một bên vợ, chồng chết trước hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết*

Luận văn phân tích điều kiện chia, nguyên tắc chia và hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ, chồng chết trước hoặc có Quyết định của Tòa án tuyên bố một bên vợ, chồng đã chết. Nêu hạn chế quyền yêu cầu chia di sản thừa kế khi vợ, chồng chết trước hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, nếu việc chia di sản đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bên vợ, chồng còn sống và gia đình. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã bổ sung quy định về nguyên tắc chia tài sản chung, tạo cơ sở pháp lý khi giải quyết việc phân chia tài sản, theo đó Điều 66 quy định: *“Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ*



*chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản. Phần tài sản của vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế”.*

## **2.2. Tài sản riêng của vợ, chồng**

### **2.2.1. Căn cứ xác lập tài sản riêng của vợ, chồng**

*2.2.1.1. Tài sản riêng của vợ, chồng bao gồm tài sản mà mỗi bên vợ, chồng có từ trước khi kết hôn*

Việc ghi nhận vợ, chồng có tài sản riêng đã bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, chồng về tài sản. Luận văn nêu nguồn gốc tài sản riêng của vợ, chồng gồm những tài sản mà mỗi bên đã có từ trước khi kết hôn. Những tài sản này thuộc quyền sở hữu riêng của mỗi bên và được pháp luật thừa nhận, bảo hộ; Những tài sản này không phải do vợ, chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân, không chịu sự tác động bởi tính chất cộng đồng của quan hệ hôn nhân và lợi ích chung của gia đình.

*2.2.1.2. Tài sản riêng của vợ, chồng bao gồm tài sản mà vợ, chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân*

Những tài sản này không do vợ, chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân mà được định đoạt bởi ý chí của chủ sở hữu. Quy định này nhằm bảo đảm quyền tự định đoạt của các chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật về chuyển dịch tài sản của mình cho bên vợ, chồng được hưởng.

### *2.2.1.3. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm đồ dùng, tư trang cá nhân*

Luận văn khẳng định việc pháp luật quy định những đồ dùng, tư trang cá nhân là tài sản riêng của vợ, chồng là cần thiết và phù hợp với thực tế cuộc sống. Đây là một trong những điểm mà Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã kế thừa của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quy định này đảm bảo được quyền tự do cá nhân và cuộc sống riêng tư của vợ chồng. Tuy nhiên, cần có văn bản giải thích và hướng dẫn cụ thể trường hợp này để việc giải quyết được thống nhất, đáp ứng quyền lợi hợp pháp của những người tham gia tố tụng.

*2.2.1.4. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm những tài sản mà vợ, chồng được chia khi chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*

Điều 30 Luật HN&GD năm 2000 và khoản 1 Điều 40 Luật HN&GD năm 2014 đã dự liệu về hậu quả pháp lý sau khi chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; những tài sản mà vợ, chồng được chia, kể cả hoa lợi, lợi tức phát sinh từ phần tài sản riêng được chia, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của mỗi bên sau khi chia tài sản chung là tài sản riêng của vợ, chồng.

### ***2.2.2. Quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng đối với tài sản riêng***

#### ***2.2.2.1. Quyền của vợ, chồng đối với tài sản riêng***

Luận văn phân tích quyền của vợ, chồng khi thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản riêng. Với tư cách là chủ sở hữu, vợ, chồng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình, nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào tài sản chung. Luận văn chỉ rõ trường hợp vợ, chồng nhập tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung bị coi là vô hiệu. Đồng thời đưa ra vấn đề hạn chế quyền sở hữu của vợ, chồng đối với tài sản riêng vì lợi ích chung của gia đình: *“Trong trường hợp tài sản riêng của vợ hoặc chồng đã được đưa vào sử dụng chung mà hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng đó là nguồn sống duy nhất của gia đình thì việc định đoạt tài sản riêng đó phải được sự thoả thuận của cả vợ chồng”* (khoản 5 Điều 33 Luật HN&GD năm 2000 và khoản 4 Điều 44 Luật HN&GD năm 2014).

#### ***2.2.2.2. Nghĩa vụ được thực hiện bằng tài sản riêng của vợ, chồng***

Nghĩa vụ về tài sản của vợ, chồng phát sinh từ các khoản nợ mà vợ, chồng vay của người khác, sử dụng vào mục đích cá nhân mà không vì mục đích của gia đình hoặc nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của vợ, chồng hay các loại nghĩa vụ khác theo luật định (nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình như cha, mẹ, vợ, chồng, con mà vợ, chồng phải thực hiện).

Luận văn nêu nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ, chồng bao gồm những loại nghĩa vụ nào trên cơ sở đã được dự liệu tại Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên tắc, nghĩa vụ riêng về tài sản của mỗi bên vợ, chồng được thanh toán từ tài sản riêng của người đó. Nếu tài sản riêng không có hoặc không đủ thì trích chia phần tài sản của vợ, chồng trong khối tài sản chung của vợ chồng (sau khi chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân) để thực hiện nghĩa vụ. Những quy định này là cơ sở pháp lý cho việc xác định nghĩa vụ được thực hiện bằng tài sản riêng của vợ, chồng.

### *Chương 3*

## **THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG**

### **3.1. Thực tiễn áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng**

#### ***3.1.1. Áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng trong thực tiễn xét xử***

##### ***3.1.1.1. Căn cứ xác định tài sản chung của vợ chồng***

Khi có tranh chấp, vấn đề quan trọng là Toà án phải xác định đâu là tài sản chung để chia, đâu là tài sản riêng vẫn thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng. Luận văn nêu một số ví dụ thực tiễn trong việc xác định tài sản của vợ chồng. Luận văn phân tích những điểm chưa rõ ràng của Luật HN&GD hiện hành, dẫn đến nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau trong vấn đề liên quan đến tài sản chung của vợ chồng, trong đó đáng chú ý là hai vấn đề sau:

- Vấn đề thừa nhận tài sản chung của vợ chồng nhưng do một bên đứng tên trong giấy tờ về quyền sở hữu.

- Vấn đề về việc vận dụng nguyên tắc suy đoán tài sản chung.

##### ***3.1.1.2. Việc nhập tài sản riêng của vợ hoặc chồng vào tài sản chung***

Luận văn phân tích tính chất phức tạp trong giải quyết tranh chấp liên quan tới việc nhập tài sản riêng của vợ hoặc chồng vào tài sản chung, nhất là những tài sản có giá trị lớn như nhà ở và quyền sử dụng đất. Nêu ví dụ cụ thể trong thực tế khi giải quyết tranh chấp Toà án cũng khó xác định việc nhập hay chưa tài sản riêng của một bên vào tài sản chung của vợ chồng. Luận văn nêu điều luật mới quy định việc nhập tài sản riêng của

vợ, chồng vào tài sản chung, tuy nhiên hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn nên các cơ quan có thẩm quyền khó áp dụng vấn đề này để giải quyết trong thực tiễn.

### *3.1.1.3. Trách nhiệm liên đới giữa vợ và chồng đối với tài sản chung*

Luận văn so sánh quy định của Luật HN&GD năm 2014 với Luật HN&GD năm 2000. Theo đó, phạm vi chịu trách nhiệm liên đới mở rộng hơn Luật HN&GD năm 2000. Khi vợ chồng thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản chung hay thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến tài sản chung thì phải đặt phần tài sản đó ngay trong khối tài sản của vợ chồng để xem xét. Tuy nhiên, trên thực tế việc xác định tài sản chung của vợ chồng khi xét xử tại Toà án còn có trường hợp không đúng, gây thiệt hại quyền lợi của vợ, chồng. Luận văn nêu và phân tích ví dụ cụ thể cho trường hợp này.

### *3.1.1.4. Áp dụng tập quán để phân chia tài sản chung vợ, chồng*

Luận văn nêu điều luật giải thích tập quán về hôn nhân và gia đình. Về nguyên tắc, Nhà nước và xã hội chỉ tôn trọng và phát huy các phong tục, tập quán tốt đẹp về hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, tính chất tốt đẹp của phong tục, tập quán có thể được đánh giá theo nhiều góc độ, nhiều quan niệm khác nhau, nên đã có những cách hiểu khác nhau trong việc xác định phong tục, tập quán nào là tốt đẹp cần được kế thừa và phát huy; phong tục tập quán nào cần được xoá bỏ, do đó đã tạo kẽ hở cho những tập quán lạc hậu tồn tại, hoặc gây ra sự lạm dụng tập quán nhiều hơn là áp dụng quy phạm pháp luật. Luận văn nêu ảnh hưởng của quan niệm “*trọng nam*” ở khu vực nông thôn, miền núi trong nhiều trường hợp khó đảm bảo được quyền lợi của người phụ nữ, đặc biệt khi chia tài sản khó đảm bảo được sự công bằng.

## **3.1.2. Áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng thông qua hoạt động công chứng tại các Văn phòng công chứng**

### *3.1.2.1. Thoả thuận chia tài sản chung vợ chồng nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài sản khác*

Bên cạnh việc tôn trọng quyền định đoạt tài sản chung của vợ chồng,

Luật HN&GD cũng dự liệu đến những trường hợp vợ chồng lạm dụng quyền của mình trong việc chia tài sản chung có thể gây hậu quả xấu, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp khác được pháp luật bảo vệ. Nếu vợ chồng đã thoả thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng sau đó có chứng cứ cho rằng việc chia tài sản đó là nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì việc chia tài sản đó không được pháp luật công nhận. Luận văn nêu và phân tích ví dụ cụ thể về trường hợp văn bản thoả thuận chia tài sản chung của vợ chồng được công chứng tại Văn phòng công chứng.

### *3.1.2.2. Trách nhiệm liên đới giữa vợ và chồng khi một bên vợ hoặc chồng tham gia giao dịch dân sự*

Theo quy định của pháp luật, khi tham gia vào giao dịch dân sự đối với tài sản chung của vợ chồng đều phải có sự thoả thuận và đồng ý của cả vợ và chồng. Nếu một bên vợ hoặc chồng không thể hiện sự đồng ý thì giao dịch dân sự đó là bất hợp pháp, bị coi là vô hiệu. Đối với các giao dịch dân sự do một bên vợ hoặc chồng thực hiện, thì vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới khi giao dịch đó là hợp pháp và nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Tuy nhiên, trên thực tế có không ít trường hợp một bên vợ hoặc chồng tham gia giao dịch dân sự bằng tài sản chung đã không đáp ứng các điều kiện trên và lạm dụng quy định này gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Luận văn nêu và phân tích ví dụ cụ thể cho trường hợp này.

## **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế độ tài sản của vợ chồng trong Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam**

### *3.2.1. Những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng*

#### *3.2.1.1. Quy định về căn cứ xác định tài sản chung và việc chia tài sản chung của vợ chồng*

\* Về căn cứ xác định tài sản chung của vợ chồng:

- Tài sản chung của vợ chồng nhưng do một bên đứng tên trong giấy tờ về quyền sở hữu:

Để đảm bảo quyền lợi của người thứ ba khi xác lập giao dịch liên quan đến tài sản chung của vợ chồng, cần có hướng dẫn cụ thể theo hướng: Nên có quy định nếu tài sản chung của vợ chồng là các loại giấy tờ có giá, tài sản chung mà giấy tờ sở hữu chỉ đứng tên một bên vợ hoặc chồng thì coi người đứng tên là người đại diện để tham gia giao dịch với người khác. Nếu bên vợ hoặc chồng có yêu cầu huỷ giao dịch này với lý do không có ý kiến đồng ý của người kia thì không coi đó là vi phạm quyền định đoạt của chủ sở hữu chung.

- Nguyên tắc suy đoán tài sản chung:

Cần có hướng dẫn cụ thể về chứng cứ chứng minh, có thể quy định: Nếu không có chứng cứ hoặc dấu vết về nguồn gốc của tài sản thì khi có tranh chấp, quyền sở hữu riêng của vợ, chồng phải được chứng minh bằng văn bản. Trong trường hợp không có bản kiểm kê tài sản thì khi có tranh chấp, quyền sở hữu riêng của vợ, chồng phải được chứng minh bằng văn bản. Trường hợp không có kiểm kê tài sản hoặc không có chứng cứ nào được xác lập từ trước, thẩm phán có thể xem xét mọi loại giấy tờ, đặc biệt là các loại giấy tờ, sổ sách của gia đình cũng như các loại tài liệu của ngân hàng và các hoá đơn thanh toán. Thẩm phán cũng có thể chấp nhận lời khai của nhân chứng hoặc suy đoán nếu nhận thấy vợ, chồng không có khả năng cung cấp chứng cứ bằng văn bản.

\* Về chia tài sản chung của vợ chồng: Cần bổ sung quy định nhằm xử lý triệt để hành vi cố tình vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng thông qua việc chia tài sản chung.

*3.2.1.2. Quy định về nhập tài sản riêng của vợ hoặc chồng vào tài sản chung*

- Cần hướng dẫn thêm: Điều kiện lập văn bản chỉ áp dụng đối với việc nhập các tài sản thuộc loại phải đăng ký quyền sở hữu.

- Luật cần đưa ra hướng dẫn cụ thể hơn quy định về hiệu lực và tính chất của giao dịch.

### *3.2.1.3. Trách nhiệm liên đới giữa vợ và chồng khi một bên vợ hoặc chồng tham gia giao dịch dân sự*

\* Đối với giao dịch dân sự hợp pháp: Luật cần có hướng dẫn quy định rõ những nhu cầu nào là nhu cầu thiết yếu của gia đình để làm cơ sở xác định trách nhiệm của vợ chồng đối với giao dịch dân sự với người thứ ba.

\* Đối với giao dịch dân sự bất hợp pháp, nên bổ sung quy định:

- Nếu một bên vợ hoặc chồng tham gia các giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn mà không có sự đồng ý của bên kia, thì bên đó có quyền yêu cầu Toà án huỷ bỏ giao dịch dân sự đó, Toà án phải tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.

- Tuy một bên vợ hoặc chồng không có sự tham gia giao dịch dân sự, làm cho giao dịch dân sự đó trở lên bất hợp pháp, bị coi là vô hiệu, song thông qua các giao dịch đó vẫn nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình, thì bên vợ hoặc chồng không tham gia giao dịch dân sự đó vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc xử lý hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu.

- Việc thể hiện sự đồng ý hay không đồng ý của bên vợ hoặc chồng không tham gia giao dịch dân sự, không nhất thiết phải được xác định bằng văn bản thoả thuận, mà chỉ cần xác định bên vợ hoặc chồng không tham gia giao dịch dân sự đó có biết và phải biết việc tham gia giao dịch dân sự của phía bên kia, thì sẽ buộc họ phải có trách nhiệm liên đới đối với việc xử lý hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu.

### *3.2.1.4. Quy định về áp dụng tập quán để phân chia tài sản chung của vợ chồng*

Luận văn đưa ra các nguyên tắc cần thiết để việc áp dụng phong tục, tập quán đạt hiệu quả cao, đó là:

- Áp dụng phong tục tập quán theo nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

- Việc áp dụng phong tục, tập quán không được trái với nguyên tắc của Luật HN&GD, không được phân biệt đối xử giữa nam và nữ.

- Chỉ áp dụng phong tục tập quán đã thông dụng, được đông đảo mọi người cùng sinh sống trên địa bàn, cùng dân tộc đó, cùng tôn giáo thừa nhận và chỉ áp dụng trên địa bàn đó.

- Phát huy vai trò của người đứng đầu cộng đồng trong việc áp dụng phong tục, tập quán để giải quyết các tranh chấp.

- Cần quy định cụ thể hơn theo hướng mở, tức là nếu phong tục tập quán tốt đẹp, phù hợp với xã hội thì áp dụng phong tục tập quán đó.

Luận văn nêu giải pháp chủ yếu là phải xây dựng một hệ thống quy phạm pháp luật hoàn chỉnh về kế thừa, phát huy truyền thống, phong tục, tập quán trong gia đình.

### ***3.2.2. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng***

*3.2.2.1. Phát huy vai trò của công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng*

Cần tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật HN&GD, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhằm nâng cao ý thức pháp luật của quần chúng nhân dân.

*3.2.2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng xét xử các vụ việc liên quan tới chế độ tài sản của vợ chồng*

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ Thẩm phán và cán bộ Tòa án đáp ứng ngày càng cao của công cuộc cải cách tư pháp.

- Bổ sung kịp thời số cán bộ, Thẩm phán còn thiếu cho các đơn vị. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường tinh thần trách nhiệm của từng cán bộ, Thẩm phán trong công tác.

- Cần đa dạng hoá việc áp dụng pháp luật, đặc biệt vận dụng các phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp trong đời sống xã hội về HN&GD. Cần phải công nhận hình thức án lệ; Tòa án nhân dân tối cao cần định kỳ ban hành các tập hợp án lệ điển hình để Tòa án các cấp học tập và rút kinh nghiệm trong hoạt động xét xử.



- Bảo đảm cơ sở vật chất và quan tâm hơn nữa về chế độ, chính sách cho cán bộ làm công tác tại Tòa án.

### *3.2.2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng công chứng của các tổ chức hành nghề công chứng*

- Việc công chứng phải đảm bảo cả tính hợp pháp về mặt nội dung và hình thức của các giao dịch dân sự.

- Phải có cơ chế hỗ trợ công chứng phát triển; việc cấp phép thành lập mới các Văn phòng công chứng tư phải đảm bảo theo quy hoạch, phân bổ hợp lý giữa các vùng, các địa phương. Nhà nước cần xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả để đảm bảo chất lượng công chứng.

## **KẾT LUẬN**

Chế độ tài sản của vợ chồng thực chất là chế độ sở hữu đối với tài sản của vợ chồng, có những đặc điểm riêng với ý nghĩa rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của gia đình, xã hội. Vợ chồng đều có trách nhiệm không những về mặt xã hội, mà còn là trách nhiệm pháp lý. Sự ràng buộc nhau giữa vợ và chồng không những về quan hệ tình cảm, mà còn là quan hệ tài sản chung hợp nhất thì quan hệ hôn nhân mới thật sự bền vững. Quan hệ tài sản trong gia đình trước hết được điều chỉnh bởi pháp luật HN&GD. Các giao dịch liên quan đến tài sản của vợ chồng ngày càng nhiều và phức tạp. Vì vậy, việc giải quyết các vụ việc liên quan tới tài sản của vợ chồng cũng gặp nhiều khó khăn, rắc rối; đòi hỏi pháp luật phải cụ thể hơn, những người thực thi pháp luật phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm của mình trong giải quyết đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của các đương sự.

Với đề tài “*Chế độ tài sản của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*”, luận văn được hoàn thành với những nội dung chủ yếu sau:

1. Đưa ra khái niệm chế độ tài sản của vợ chồng. Phân tích các đặc điểm, ý nghĩa của chế độ tài sản của vợ chồng đối với sự tồn tại và phát triển của gia đình và xã hội.

2. Phân tích các loại chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật về HN&GD của một số nước trên thế giới và hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở đó, so sánh, đối chiếu để thấy được nét tương đồng và đặc thù. Qua đó, khẳng định và lý giải tại sao Luật HN&GD của Nhà nước ta không quy định về chế độ tài sản ước định.

3. Hệ thống hoá sự phát triển của pháp luật Việt Nam điều chỉnh chế độ tài sản giữa vợ chồng.

4. Phân tích các quy định của pháp luật HN&GD về nội dung chế độ tài sản của vợ chồng.

5. Phân tích tính kế thừa và phát triển của Luật HN&GD năm 2000, Luật HN&GD năm 2014 về chế độ tài sản của vợ chồng. Nêu rõ những điểm mới về chế độ tài sản của vợ chồng trong Luật HN&GD hiện hành so với các văn bản pháp luật về HN&GD trước đó.

6. Trên cơ sở nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng trong hoạt động xét xử của Toà án và hoạt động công chứng tại các Văn phòng công chứng, luận văn chỉ rõ những quy định còn bất cập, chưa hợp lý, không phù hợp thực tiễn. Từ đó, luận văn đưa ra một số kiến nghị đề xuất những hướng hoàn thiện các quy định về chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật hiện hành, cùng với việc đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật HN&GD nói chung và chế độ tài sản của vợ chồng nói riêng.